

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH ĐỢT 2 - NĂM 2022
(THÁNG 11. 2022)

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm	Kết quả
1	1203240068	Lê Thị Trường	An	22/11/2001	01YS13A1	6,3	Đạt
2	2203360355	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	10/11/2003	02DL13C1	5,2	Đạt
3	2203240138	Lâm Quế	Anh	06/02/2000	02DD13A2	5,3	Đạt
4	2203360368	Nguyễn Hoàng Vân	Anh	09/03/1993	02DD13C2	6,0	Đạt
5	2213180042	Trần Thị Ngọc	Ánh	18/12/1998	02KT14B1	8,5	Đạt
6	1193360100	Võ Nhật	Ân	25/11/2004	01TM12C1	6,7	Đạt
7	2203360218	Lê Hoàng Gia	Bảo	10/07/2005	02TW13C1	8,3	Đạt
8	2203240213	Huỳnh Văn	Công	01/01/2000	02YS13A1	4,8	Không đạt
9	2213240090	Trần Bảo	Châu	05/07/1996	02KT14B1	9,2	Đạt
10	1203360102	Lê Thị Mỹ	Chi	24/03/2005	01KT13C1	7,5	Đạt
11	1832410126	Lê Thị Bé	Diễm	24/03/2000	01DS11A1	8,5	Đạt
12	1193240154	Đào Phương	Dung	28/08/1996	01DS12B1	5,5	Đạt
13	2203360220	Nguyễn Khang	Duy	12/12/2004	02MK13C1	2,3	Không đạt
14	2203360001	Phạm Tài	Duy	10/02/1990	02DS13D1	2,0	Không đạt
15	2193360232	Trần Ngọc Mỹ	Duyên	26/03/2004	02DL12C1	4,8	Không đạt
16	1832420068	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	21/02/1999	02SP11B1	5,5	Đạt
17	2203240186	Trần Ngọc Thùy	Dương	18/05/2002	02YS13A2	5,0	Đạt
18	213240017	Mai Trần Thùy	Dương	11/03/1996	02KT14E1	6,8	Đạt
19	216030079	Lê Minh	Đạt	04/10/1994	02MK09C1	5,3	Đạt
20	2203360152	Phan Gia	Đạt	07/11/2005	02MK13C1	8,2	Đạt
21	2213240168	Nguyễn Trí	Đạt	10/08/1995	02KT14B1	9,3	Đạt
22	2193240043	Võ Văn	Đắc	18/04/1990	02DD12B1	7,3	Đạt
23	2203360102	Nguyễn Minh	Đăng	28/12/2005	02TW13C1	7,5	Đạt
24	2203240228	Nguyễn Thị Minh	Đoan	26/09/1999	02KT13B1	6,7	Đạt

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm	Kết quả
25	2203360330	Nguyễn Minh	Đức	07/02/2000	02KT13D1	5,2	Đạt
26	2193360036	Lê Thị Trúc	Giang	09/09/2004	02DS12C1	6,2	Đạt
27	2213180043	Nguyễn Thị Hương	Giang	22/04/1992	02KT14E1	8,5	Đạt
28	2193360075	Dương Thị Ngọc	Hà	28/03/2004	02KT12C1	5,3	Đạt
29	2193360184	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	12/04/2004	02DS12C1	9,5	Đạt
30	2203360030	Trần Mai	Hân	28/12/2005	02DS13C1	4,7	Không đạt
31	1193360027	Lê Thị Thu	Hiền	13/07/2004	01KT12C1	7,2	Đạt
32	2193360266	Nguyễn Trung	Hiếu	01/07/2001	02DD12C1	7,0	Đạt
33	2193240253	Hoàng Huy	Hiệu	03/03/2001	02DL13A1	2,7	Không đạt
34	1203360148	Nguyễn Thị	Hoa	29/08/2005	01YS13C1	7,7	Đạt
35	2203240037	Nguyễn Thị	Hoài	01/10/1998	02SP12B1	9,5	Đạt
36	2203240087	Bùi Văn	Hoàng	06/04/1999	02MK13B1	3,2	Không đạt
37	2203240231	Dương Phi	Hùng	20/08/2002	02YS13A2	6,0	Đạt
38	2203240278	Lê Văn	Hùng	07/08/2002	02TM13B1	3,2	Không đạt
39	2203360214	Ngô Quang	Huy	04/10/2005	02TW13C1	5,5	Đạt
40	2193240101	Lê Quang	Huy	23/10/2001	02YS12A1	7,5	Đạt
41	2193360069	Tăng Vĩ	Huy	26/11/2004	02DL12C1	5,0	Đạt
42	2193240050	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	12/11/1998	02MK12A1	9,2	Đạt
43	2193360130	Phạm Đăng Mỹ	Hương	30/08/2004	02DD12C1	6,3	Đạt
44	1832420189	Nguyễn Trung	Kiên	13/09/1998	02YS11A1	8,0	Đạt
45	2203360293	Lương Anh	Kiệt	16/12/2003	02MK13C1	4,5	Không đạt
46	2203360347	Nguyễn Huỳnh Thúy	Kiều	12/08/2001	02MK13C1	9,3	Đạt
47	2193240124	Trần Thụy Phi	Khanh	03/11/2001	02MK12A1	8,2	Đạt
48	217030109	Trần Quốc	Khánh	25/03/1999	02YS10C1	5,5	Đạt
49	2193240247	Lê Thị	Lanh	22/11/2001	02SP12A1	5,7	Đạt
50	2203360154	Hồ Gia	Liên	23/11/2005	02DS13C2	7,2	Đạt
51	2203360206	Phùng Lâm Tuyết	Linh	09/08/2005	02DD13C2	4,5	Không đạt
52	2203360238	Trần Thị Thùy	Linh	06/08/2005	02MK13C1	7,5	Đạt

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm	Kết quả
53	2203360277	Đoàn Thị Ngọc	Linh	15/09/2005	02KT13C1	8,2	Đạt
54	1833620073	Võ Thị Thảo	Linh	08/07/1995	02MK11C1	8,3	Đạt
55	2193240371	Nguyễn Thị	Linh	09/03/2001	02DS12A1	5,8	Đạt
56	2203360132	Nguyễn Hoàng Nhật	Long	25/09/2005	02DL13C1	7,3	Đạt
57	1203360107	Tô Thành	Long	09/09/2005	01TM13C1	6,7	Đạt
58	2203360213	Ngô Bảo	Lộc	04/05/2004	02MK13C1	5,5	Đạt
59	2203240123	Phạm Bảo	Lộc	10/08/2001	02YS13A1	3,8	Không đạt
60	1203360161	Phan Tấn	Lộc	05/10/2005	01DS13C1	7,0	Đạt
61	213240002	Hồ Kim	Lợi	25/01/1983	02KT14E1	8,0	Đạt
62	1203180006	Nguyễn Thị Chúc	Ly	10/12/1991	02DD13B1	9,0	Đạt
63	2193360280	Uông Lê Trúc	Ly	28/12/2003	02DD12C1	5,3	Đạt
64	1193180037	Ngô Thị	Lý	09/03/1989	01DS12B1	6,8	Đạt
65	1193240004	Dương Minh	Lý	15/08/1988	01DS12B1	6,3	Đạt
66	2203360120	Lương Thị Trúc	Mai	12/10/2001	02KT13D1	5,3	Đạt
67	2193240290	Võ Thụy Xuân	Mai	26/03/1995	02DD12A1	5,3	Đạt
68	2203240266	Trần Thị Ánh	Mi	04/12/1998	02YS13A2	3,8	Không đạt
69	2193360109	Ngô Thị Tuyết	Minh	04/12/2001	02KT12C1	7,3	Đạt
70	2203240204	Hiệp Sỹ Công	Minh	08/05/2002	02YS13A1	5,7	Đạt
71	2203360007	Huỳnh Đức	Minh	27/06/1997	02MK13D1	6,7	Đạt
72	2203360095	Đinh Thảo	My	07/04/2005	02TW13C1	4,0	Không đạt
73	2203360162	Nguyễn Phạm Nhật	Nam	29/01/2005	02TM13C1	6,5	Đạt
74	2203180093	Nguyễn Phương	Nam	21/06/1995	02YS13A2	5,2	Đạt
75	2203360038	Thạch Thị Sô Phi	Ni	04/07/2002	02KT13C1	4,7	Không đạt
76	2203360336	Nguyễn Thiện Kim	Ngân	07/01/2001	02KT13D1	7,5	Đạt
77	2213240114	Trần Ngọc	Ngân	01/05/1999	02KT14E1	5,8	Đạt
78	1203360112	Võ Lê Trọng	Nghĩa	26/04/2005	01KT13C1	6,8	Đạt
79	2203240323	Nguyễn Thị Như	Ngọc	06/02/2001	02KT13B1	7,8	Đạt
80	1203240061	Trần Nguyễn Cẩm	Nguyên	14/10/2002	01KT13A1	6,7	Đạt

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm	Kết quả
81	2203240175	Lê Thị	Nguyệt	01/01/2001	02DD13A2	8,3	Đạt
82	2203360062	Trần Thụy Trúc	Nhã	05/12/2004	02MK13C1	7,5	Đạt
83	2213240101	Lê Thiện	Nhân	27/06/1995	02KT14B1	8,5	Đạt
84	1203360171	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	19/12/2004	02DS13C2	4,5	Không đạt
85	2203360236	Vương Tiên	Nhi	31/08/2005	02MK13C1	8,0	Đạt
86	2203360087	Đặng Yến	Nhi	19/08/2005	02DS13C1	6,0	Đạt
87	2193360077	Lê Trần Huỳnh	Như	24/02/2004	02DL12C1	4,8	Không đạt
88	2203360201	Hà Kiều	Oanh	31/01/2005	02DD13C2	7,0	Đạt
89	1203360040	Võ Diệp Thanh	Phong	13/06/2005	01YS13C1	8,7	Đạt
90	1193360075	Kiều Trần Xuân	Phú	12/06/2004	01DS12C1	7,5	Đạt
91	2203360246	Đặng Hồng	Phúc	06/10/2005	02KT13C1	9,3	Đạt
92	2203360200	Trần Lê Ngọc	Phúc	14/04/2005	02KT13C1	8,3	Đạt
93	2203240181	Lê Ngọc Duy	Phụng	17/03/1991	02DS13A2	5,3	Đạt
94	2203240227	Nguyễn Minh	Phụng	05/06/2002	02YS13A2	7,8	Đạt
95	2203240244	Hồ Quang	Phước	11/09/2002	02YS13A2	8,0	Đạt
96	2203360003	Đoàn Thanh	Phương	27/02/2001	02KT13C1	7,3	Đạt
97	213240021	Trần Thị Diễm	Phương	27/01/1985	02KT14E1	8,5	Đạt
98	2203180033	Đặng Duy	Quang	17/03/1996	02YS13B1	8,3	Đạt
99	2203360186	Trần Anh	Quốc	13/12/2005	02MK13C1	3,8	Không đạt
100	2203240272	Văn Minh	Quốc	10/10/2002	02MK13A1	3,2	Không đạt
101	2203240061	Trần Nguyễn Phương	Quyên	17/09/2000	02DD13A2	9,5	Đạt
102	2213240080	Lê Ngọc	Quỳnh	10/05/1999	02KT14E1	7,5	Đạt
103	1213240003	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	25/11/1998	02KT14E1	7,3	Đạt
104	1203240071	Rơ Mah	Sưa	01/01/2002	01YS13B1	6,8	Đạt
105	2203360197	Lý Thành	Tâm	10/11/2005	02TM13C1	9,2	Đạt
106	1203240037	Dương Thiện Trúc	Tâm	30/12/1995	01DD13A1	7,5	Đạt
107	2193360165	Trương Thị Thủy	Tiên	24/11/2001	02KT13C1	6,3	Đạt
108	1193240073	Nguyễn Phạm Thủy	Tiên	22/10/2001	02YS12A1	5,0	Đạt

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm	Kết quả
109	2193240179	Vũ Thị Mỹ	Tiên	28/02/2000	02DD12A1	3,7	Không đạt
110	1203360120	Phan Cát	Tiên	10/02/2004	01DS13C1	7,3	Đạt
111	2203240293	Lê Thị Hồng	Tím	17/07/2002	02DD13A2	4,8	Không đạt
112	10s0146	Hồ Trung	Tín	29/10/1992	DS03A1	9,0	Đạt
113	2203240176	Đinh Văn	Toàn	20/05/2002	02YS13A1	7,2	Đạt
114	2203360209	Đặng Anh	Tú	15/10/2005	02DD13C2	5,3	Đạt
115	1203360165	Huỳnh Thanh	Tú	11/01/2003	01YS13C1	6,2	Đạt
116	2203360308	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	26/04/2005	02TM13C1	8,0	Đạt
117	2203240135	Lê Anh	Tuấn	21/09/2001	02YS13A2	7,7	Đạt
118	2203240127	Nguyễn Văn	Tuấn	26/03/1996	02TW13B1	3,8	Không đạt
119	2203240214	Huỳnh Văn	Tuấn	23/09/2002	02YS13A1	3,0	Không đạt
120	2203360187	Nguyễn Lê Minh	Tuyền	25/08/2005	02TW13C1	4,8	Không đạt
121	216020924	Nguyễn Trần Thu	Tuyết	07/07/1998	02YS09A1	5,3	Đạt
122	2203240279	Hồ Công	Tứ	07/07/2002	02YS13A2	6,0	Đạt
123	213240011	Trần Trúc	Thanh	19/03/1997	02KT14E1	6,8	Đạt
124	2193240163	Trần Ngọc	Thành	23/08/2000	02DD12A1	5,8	Đạt
125	116020815	Trương Thị Thu	Thảo	03/10/1997	01DS09B1	9,3	Đạt
126	1831810054	Mai Thị	Thảo	12/10/1983	01DS11B1	7,5	Đạt
127	2193240157	Nguyễn Thị	Thắm	09/12/1999	02DD12A1	5,5	Đạt
128	2203240116	Ngô Ngọc	Thắng	25/02/1999	02YS13A1	4,7	Không đạt
129	2203360224	Nguyễn Tuấn	Thi	20/04/2005	02TM13C1	5,2	Đạt
130	2203360192	Trần Hưng	Thịnh	28/08/2005	02TW13C1	5,8	Đạt
131	10S0140	Nguyễn Minh	Thông	03/07/1988	DS03A1	9,2	Đạt
132	2203360165	Lê Thanh	Thúy	19/04/2005	02DS13C2	5,5	Đạt
133	2203240033	Trần Thị Anh	Thư	16/08/2001	02YS13A1	8,0	Đạt
134	2193240171	Lê Nguyễn Minh	Thư	07/10/2001	02SP12B1	6,8	Đạt
135	2193360045	La Trí	Thức	25/08/2004	02YS12C1	5,0	Đạt
136	1203360152	Đặng Thị Hoài	Thương	19/10/2005	01DS13C1	7,5	Đạt

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm	Kết quả
137	2193360146	Lê Nguyễn Mai	Trang	19/01/2004	02DD12C1	9,0	Đạt
138	2203240230	Đỗ Thị	Trang	09/03/2002	02YS13A2	4,0	Không đạt
139	1203360047	Nguyễn Thị Thu	Trang	24/10/2005	01DD13C1	8,2	Đạt
140	2203360313	Nguyễn Ngọc	Trâm	01/05/2002	02KT13C1	7,2	Đạt
141	213240006	Nguyễn Mai Huỳnh	Trân	31/08/2000	02KT14E1	9,3	Đạt
142	2193360009	Vương Thùy Tú	Trình	10/04/2003	02MK12C1	6,7	Đạt
143	1832420374	Lê Quốc	Trọng	05/10/1996	02DD11A1	3,5	Không đạt
144	2203360193	Nguyễn Mai Phương	Trúc	17/09/2005	02DL13C1	3,8	Không đạt
145	2203240124	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	13/10/2002	02DD13A2	7,3	Đạt
146	2203360199	Nguyễn Thành	Trung	16/01/2005	02TW13C1	7,2	Đạt
147	2213240200	Nguyễn Quốc	Trung	14/05/1982	02KT14B1	6,5	Đạt
148	2203360019	Tiêu Xuân	Trưởng	27/01/2004	02DL13C1	7,2	Đạt
149	2193240156	Đặng Nguyễn Tường	Vi	13/02/2001	02DD12A1	1,3	Không đạt
150	1203360124	Hồ Thị Tường	Vi	09/09/2005	01KT13C1	8,8	Đạt
151	1193240080	Phan Thế	Vĩ	12/10/2001	01KT12A1	7,3	Đạt
152	1203240028	Danh Hoàng	Vinh	23/05/1994	01KT13A1	9,0	Đạt
153	2203240085	Võ Tấn	Vũ	29/07/1996	02TM13B1	2,7	Không đạt
154	2203360182	Ngô Ngọc Yến	Vy	16/07/2004	02DD13C2	5,0	Đạt
155	2203360189	Trần Hoàng Yến	Vy	03/10/2005	02KT13C1	5,5	Đạt
156	2203360264	Huỳnh Như	Ý	18/09/2004	02YS13C1	8,2	Đạt
157	1203360175	Nguyễn Ngọc Như	Ý	26/08/2004	01KT13C1	8,5	Đạt
158	1203360117	Huỳnh Thị	Yến	05/05/2005	01KT13C1	8,5	Đạt

TPHCM, Ngày 28 tháng 11 năm 2022

PHÒNG ĐÀO TẠO